

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1031 /BC-TA

Bình Dương, ngày 07 tháng 11 năm 2018

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 003209
	Ngày: 09-11-2018
	Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....	

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương
năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Trong năm 2018, TAND 02 cấp đã giải quyết 12.608 / 15.207 vụ, việc các loại đã thụ lý¹, đạt tỷ lệ 82,91%. Bình quân mỗi Thẩm phán giải quyết 9,71 vụ / tháng (tỉnh: 3,04 vụ / tháng, huyện: 11,5 vụ / tháng).

Trong đó:

+ Cấp tỉnh: Giải quyết 836 / 1.131 vụ, việc đã thụ lý, đạt tỷ lệ 73,92%.

+ Cấp huyện: Giải quyết 11.772 / 14.076 vụ, việc đã thụ lý, đạt tỷ lệ 83,63%.

(Số liệu kèm theo – Biểu số 01).

1. Tình hình giải quyết các loại án

Trong 15.207 vụ, việc các loại đã thụ lý; hôn nhân gia đình chiếm đa số 7.709 vụ, việc (chiếm 50,69%); còn lại là dân sự 4.401 vụ, việc (chiếm 28,9%); án hình sự 2.170 vụ (chiếm 14,27%); kinh doanh thương mại 461 vụ, việc (chiếm 3,03%); lao động 358 vụ, việc (chiếm 2,4%); án hành chính 108 vụ (chiếm 0,71%), cụ thể:

1.1. Án hình sự

Án hình sự sơ thẩm của tỉnh thụ lý nhiều nhất là tội “Giết người” (68 vụ, chiếm tỷ lệ 54,4%). Án Hình sự sơ thẩm cấp huyện tập trung chủ yếu vào các tội “Trộm cắp tài sản” (421 vụ, chiếm tỷ lệ 22,69%) phát sinh nhiều ở thị xã Dĩ An, thị xã Bến Cát, thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Thuận An; tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt ma túy” (426 vụ, chiếm tỷ lệ 22,7%) phát sinh nhiều ở thị xã Dĩ An, thị xã Bến Cát, thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Tân Uyên, tội “Đánh bạc” (158 vụ, chiếm tỷ lệ 8,52%) phát sinh nhiều ở huyện Dầu Tiếng, thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên. Trong năm 2018, TAND 2 cấp phát sinh 02 vụ - 04 bị cáo bị truy tố về tội tham nhũng, các vụ án đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử².

¹ Số liệu tính từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 31/10/2018 (11 tháng).

² Ngày 20/8/2018 TAND tỉnh Bình Dương thụ lý sơ thẩm vụ án Cao Minh Huệ và 02 đồng phạm bị truy tố về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và ngày 10/10/2018 thụ lý sơ thẩm vụ án Phạm Hồng Thắng bị truy tố về tội “Tham ô tài sản”.

1.2. Án Dân sự chủ yếu là các tranh chấp hợp đồng vay tài sản (804 vụ, chiếm tỷ lệ 18,26%) phát sinh nhiều ở thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Bến Cát, huyện Dầu Tiếng, thị xã Thuận An, huyện Bàu Bàng; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (490 vụ, chiếm tỷ lệ 11,13%) phát sinh nhiều ở thị xã Dĩ An, thị xã Bến Cát, huyện Dầu Tiếng, thị xã Thuận An.

1.3. Án Hôn nhân và gia đình nhiều nhất là vụ việc ly hôn: Thụ lý 7.040 vụ, (chiếm tỷ lệ 91,32% án Hôn nhân gia đình sơ thẩm), phát sinh nhiều nhất ở thị xã Thuận An, thị xã Dĩ An, thành phố Thủ Dầu Một. Độ tuổi ly hôn nhiều nhất từ 18 đến 30 tuổi (5.883 vụ, chiếm 83, 56%). Nguyên nhân ly hôn: Do mâu thuẫn gia đình (1.412 vụ, chiếm 20,06 % án ly hôn), do bị đánh đập, ngược đãi (57 vụ, chiếm 0,8%), do ngoại tình (14 vụ, chiếm 0,19%), do nghiện ma túy, rượu, cờ bạc (42 vụ, chiếm 0,59%), do các nguyên nhân khác như: Một bên mất tích, mâu thuẫn kinh tế...(1.303 vụ, chiếm 18,5%). Ngoài ra, án hôn nhân gia đình còn phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con (201 vụ, chiếm 2,6 %).

1.4. Án hành chính chủ yếu là các khiếu kiện liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai (74 vụ, chiếm 68,51% án hành chính sơ thẩm), hầu hết thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh (72 vụ), phát sinh ở cấp huyện 02 vụ (Tân Uyên, Bến Cát). Ngoài ra, án hành chính còn có các khiếu kiện liên quan đến lĩnh vực khác như hải quan, thuế, đầu tư... (28 vụ).

1.5. Án kinh doanh thương mại chủ yếu là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (203 vụ, chiếm tỷ lệ 44,03%); tranh chấp về đầu tư tài chính, ngân hàng (38 vụ, chiếm tỷ lệ 8,24%); tranh chấp thành viên công ty (20 vụ, chiếm tỷ lệ 4,33%), tranh chấp liên quan đến sở hữu trí tuệ (05 vụ, chiếm tỷ lệ 1,08%)...

1.6. Án lao động nhiều nhất là xử lý kỷ luật, sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (209 vụ, chiếm tỷ lệ 58,37 án lao động sơ thẩm), phát sinh nhiều nhất tại thị xã Tân Uyên (103 vụ, chiếm tỷ lệ 28,77), thị xã Thuận An (35 vụ, chiếm tỷ lệ 9,77%)...

1.7. Việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp

TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương đã thụ lý 24 yêu cầu mở thủ tục phá sản, trong đó giải quyết 13 yêu cầu: Tuyên bố phá sản 11 doanh nghiệp³, ra quyết định đình chỉ mở thủ tục phá sản 01 doanh nghiệp (Tân Uyên), ra quyết định không mở thủ tục phá sản 01 doanh nghiệp (Thuận An), còn lại 11 yêu cầu đang giải quyết.

1.8. Việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án

TAND 02 cấp tỉnh Bình Dương đã giải quyết 464/ 481 trường hợp áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đạt tỷ lệ 96,46%, cụ thể:

- TAND tỉnh: Giải quyết 06 / 06 trường hợp khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đạt tỷ lệ 100%;

- TAND cấp huyện: Giải quyết 458 / 475 trường hợp áp dụng biện pháp xử lý hành chính, trong đó: 435 trường hợp ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện

³ Tỉnh: 04, huyện: 07.

bắt buộc, 11 trường hợp ra quyết định không đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc⁴, 12 trường hợp đình chỉ⁵.

Ngoài ra, TAND cấp huyện còn xét miễn, giảm thời hạn chấp hành quyết định xử lý hành chính đối với 1.150 / 1.150 trường hợp⁶.

(Số liệu kèm theo – Biểu số 02).

2. Chất lượng giải quyết án

2.1. Án bị hủy, sửa

Trong 12.608 vụ, việc TAND 2 cấp đã giải quyết có 579 vụ bị kháng cáo, kháng nghị⁷. Nhận kết quả phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm 317 vụ, trong đó hủy án 106 vụ (tỉnh: 12, huyện: 94) chiếm tỷ lệ 0,84%, sửa án 139 vụ (tỉnh: 06; huyện: 133) chiếm tỷ lệ 1,1%.

Trong số án bị hủy, sửa có 73,5 vụ bị hủy do nguyên nhân chủ quan (tỉnh: 05; huyện: 68,5) chiếm tỷ lệ 0,58%; 62 vụ bị sửa do nguyên nhân chủ quan (tỉnh: 8,5; huyện: 53,5) chiếm tỷ lệ 0,49%.

(Số liệu kèm theo – Biểu số 03, 04).

2.2 Án treo, cải tạo không giam giữ

TAND 2 cấp đã tuyên 279 bị cáo được hưởng án treo (tỉnh: 34, huyện: 245) và 59 trường hợp cải tạo không giam giữ (tỉnh: 03, huyện: 56). Không có trường hợp bị cáo phạm các tội về kinh tế, tham nhũng, chức vụ được Tòa án tuyên cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

2.3 Hòa giải trong giải quyết các loại án

Trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động, công tác hòa giải luôn được chú trọng. Trong năm 2018, TAND 2 cấp đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và hòa giải đoàn tụ thành 7.049 / 10.767 vụ án đã giải quyết⁸, đạt tỷ lệ 65,47%. Đơn vị có tỷ lệ án hòa giải thành cao nhất là TAND thị xã Bến Cát (1.102/ 1.207, đạt 91,3%), TAND thị xã Dĩ An (1.474/ 1.785, đạt 82,58%), TAND huyện Bàu Bàng (410/ 516, đạt 79,45%), TAND thị xã Thuận An 1.178/1.720 (đạt 68,49%).

Đối với án hành chính, TAND 2 cấp đã giải quyết 73/108 vụ, đạt tỷ lệ 67,59%, trong đó có 11 / 73 vụ án đình chỉ thông qua đối thoại⁹, đạt tỷ lệ 15%.

2.4 Án tuyên không rõ ràng

⁴ Đối tượng bị đề nghị áp dụng BPXLHC có địa chỉ ngoài địa phương, Biên bản xác minh không thể hiện rõ nơi cư trú của đối tượng bị đề nghị áp dụng BPXLHC.

⁵ Đối tượng bị đề nghị áp dụng BPXLHC đang bị xử lý hình sự, Phòng LĐTB&XH rút hồ sơ đề nghị áp dụng BPXLHC.

⁶ Phú Giáo.

⁷ Kháng cáo: 528; kháng nghị: 51 vụ.

⁸ Tỉnh: 90/ 489 vụ, đạt tỷ lệ 18,4%; huyện: 6.959 / 10.278 vụ, đạt tỷ lệ 67,71%.

⁹ Tỉnh: 02, Bến Cát: 02, Dĩ An: 07.

TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương có 77 trường hợp sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định, còn 04 trường hợp án tuyên không rõ ràng gây khó khăn cho công tác thi hành án¹⁰.

3. Công tác thi hành án hình sự

TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương đã ban hành 2.096 quyết định thi hành án hình sự các loại (tỉnh: 112; huyện: 1.984). Ngoài ra, TAND tỉnh đã tổ chức 02 đợt xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho 2.864 phạm nhân theo đề nghị của Trại giam An Phước, Trại giam Phú Hòa và Công an tỉnh Bình Dương. Đã xét rút ngắn thời gian thử thách án treo đối với 164 người bị kết án. Ngoài ra, trong năm 2018 Tòa án thực hiện chức năng, nhiệm vụ mới theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2017, đã xét tha tù trước thời hạn cho 91 phạm nhân thuộc các Trại giam An Phước, Phú Hòa, Công an tỉnh Bình Dương. Việc thi hành án hình sự được tiến hành kịp thời, chính xác. Công tác ủy thác thi hành án, hoãn, tạm đình chỉ thi hành án đều thực hiện đúng quy định.

4. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo

Công tác tiếp dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng quy định. Trong năm 2018, TAND 2 cấp đã tiếp dân 268 lượt (tỉnh: 43, huyện: 225); nhận 310 đơn (248 đơn khiếu nại và 62 đơn tố cáo), trong đó có 116 đơn không thuộc thẩm quyền (100 đơn khiếu nại, 16 đơn tố cáo), 194 đơn thuộc thẩm quyền (148 đơn khiếu nại, 46 đơn tố cáo); đã xử lý và giải quyết 286 / 310 đơn khiếu nại, tố cáo, đạt tỷ lệ 92,25%, cụ thể:

- Về đơn khiếu nại:

+ Đối với 100 đơn không thuộc thẩm quyền: Đã xử lý 94 đơn¹¹, còn 06 đơn mới thụ lý đang xử lý.

+ Đối với 148 đơn thuộc thẩm quyền: Đã giải quyết 138 / 148 đơn¹², đạt tỷ lệ 93,1%, còn 10 đơn đang xem xét giải quyết.

- Về đơn tố cáo:

+ Đối với 16 đơn không thuộc thẩm quyền: Đã xử lý 16/16 đơn¹³, đạt tỷ lệ 100%.

+ Đối với 46 đơn thuộc thẩm quyền: Đã giải quyết 40/46 đơn¹⁴, đạt tỷ lệ 86,95%, còn 06 đơn đang xem xét giải quyết.

5. Công tác cải cách hành chính

¹⁰ Các bản án của những năm trước chuyển sang (Tỉnh: 01, Dĩ An: 02; Phú Giáo: 01).

¹¹ Chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết 16 đơn, trả lại 13 đơn, trả lời đơn cho người khiếu nại biết về thẩm quyền giải quyết khiếu nại 52 đơn, người khiếu nại rút 05 đơn, lưu 08 đơn.

¹² Kết quả giải quyết: 11 đơn khiếu nại đúng, 101 đơn sai toàn bộ, 01 đơn vừa đúng vừa sai, 19 trường hợp rút đơn, 06 trường hợp trả lại đơn.

¹³ Trả lời đơn cho người tố cáo biết về thẩm quyền giải quyết tố cáo 08 đơn, trả lại 08 đơn.

¹⁴ Kết quả giải quyết: 02 đơn tố cáo đúng, 02 đơn tố cáo có đúng có sai, 19 đơn tố cáo sai toàn bộ, 06 trường hợp lưu đơn, 01 rút đơn tố cáo, 02 đơn trả lại, 08 công văn phúc đáp, còn lại 06 đơn đang xem xét giải quyết.

- TAND tỉnh tiếp tục cải tiến các quy trình xử lý công việc theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008; trong năm, đã tổ chức 02 đợt đánh giá nội bộ (vào tháng 12/2017, tháng 4/2018) đối với các Tòa, Phòng TAND tỉnh; triển khai kế hoạch cải cách hành chính, kiểm tra nghiệp vụ định kỳ và đột xuất đối với TAND cấp huyện; kiểm tra việc tổ chức, quán triệt, triển khai thực hiện Quy tắc ứng xử của CBCC TAND và các kế hoạch, chỉ đạo của lãnh đạo TAND tỉnh về công tác cải cách hành chính, văn thư lưu trữ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác; tiếp tục sử dụng Bản tin nội bộ trong hoạt động báo cáo, giao ban, sử dụng hộp thư điện tử TAND trong trao đổi thông tin, cập nhật phần mềm quản lý án, thống kê án theo đúng yêu cầu của TAND tối cao, tiếp tục sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc và vận hành thử nghiệm mở rộng ra 9 TAND cấp huyện. Tổ Hành chính tư pháp trực thuộc Văn phòng TAND tỉnh và huyện thực hiện tốt chức năng tham mưu cho lãnh đạo trong quản lý đầu vào, đầu ra công tác thụ lý, giải quyết các loại vụ án theo cơ chế một cửa.

6. Công tác cải cách tư pháp

6.1. Về chuyên môn:

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 01/2017/CT-CA ngày 16/01/2017, Hướng dẫn số 136/HD-TANDTC ngày 30/3/2017 của Chánh án TAND tối cao về công tác tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm theo yêu cầu cải cách tư pháp, năm 2018 TAND 2 cấp đã tổ chức 83 phiên tòa rút kinh nghiệm¹⁵ (tỉnh: 15, huyện: 68);

- Thực hiện Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, đã công bố công khai 4.334 bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của TAND tối cao (tỉnh: 3.061, huyện: 1.273);

- Tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng giải quyết án hình sự, dân sự, hành chính cho Thẩm phán, HTND, Thẩm tra viên, Thư ký TAND 2 cấp;

- Nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của công tác hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân, góp phần giảm áp lực số lượng vụ việc Tòa án phải giải quyết thông qua mở phiên tòa xét xử; giảm số lượng vụ việc cơ quan Thi hành án dân sự phải tổ chức cưỡng chế thi hành, tiết kiệm chi phí thời gian, công sức của các cơ quan tư pháp, nhà nước và toàn xã hội, tháng 10/2018, TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương thành lập thí điểm Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại TAND tỉnh và 06 TAND cấp huyện gồm: Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên, Dầu Tiếng. Các Trung tâm Hòa giải, đối thoại bắt đầu hoạt động từ ngày 01/11/2018, thời gian thực hiện thí điểm là 06 tháng.

6.2. Về biên chế, tổ chức:

TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương được TAND tối cao phân bổ 304 biên chế, hiện có 284 biên chế, còn thiếu 20 biên chế (trong đó thiếu 18 biên chế), cụ thể:

+ TAND tỉnh: Được phân bổ 82 biên chế (trong đó có 30 Thẩm phán trung cấp), hiện có 76 biên chế (trong đó có 01 Thẩm phán cao cấp và 26 Thẩm

¹⁵ Tòa Hình sự: 05, Tòa Dân sự: 07, Tòa Lao Động: 01, Tòa Kinh Tế: 02, Thủ Dầu Một: 07, Thuận An: 17, Dĩ An: 14, Bến Cát: 15, Tân Uyên: 03, Bàu Bàng: 02, Bắc Tân Uyên: 01, Phú Giáo: 05, Dầu Tiếng: 04.

phán trung cấp), hiện còn thiếu 06 biên chế (trong đó thiếu 03 Thẩm phán trung cấp).

+ TAND cấp huyện: Được phân bổ 222 biên chế (trong đó 23 Thẩm phán trung cấp và 105 Thẩm phán sơ cấp), hiện có 208 biên chế (trong đó có 21 Thẩm phán trung cấp và 92 Thẩm phán sơ cấp), hiện còn thiếu 14 biên chế (trong đó thiếu 15 Thẩm phán¹⁶).

Ngoài số lượng CBCC trong biên chế, TAND 2 cấp còn có 63 hợp đồng lao động (tỉnh: 12, huyện: 51), trong đó hợp đồng định biên là 37 (tỉnh: 08, huyện: 29) và ngoài định biên là 26 (tỉnh: 04, huyện: 22).

6.3. Về cơ sở vật chất:

Đối với TAND tỉnh: Được sự hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh về việc lắp đặt đường truyền và cải tạo cách âm 04 phòng xử án phục vụ công tác xét xử, TAND tỉnh đã tiến hành các thủ tục lựa chọn nhà thầu để thực hiện cải tạo phòng cách âm, lắp đặt đường truyền.

Đối với TAND cấp huyện: Tiếp tục thi công xây dựng trụ sở mới TAND huyện Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên, dự kiến hoàn thành các công trình đưa vào sử dụng từ tháng 01/2019 đối với trụ sở TAND huyện Bàu Bàng, tháng 4/2019 đối với trụ sở TAND huyện Bắc Tân Uyên.

7. Sự phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương

7.1. Việc thực hiện quy chế phối hợp liên ngành giữa Tòa án và cơ quan Công an, Viện kiểm sát, thi hành án trong chuyển giao bản án, quyết định, các văn bản tố tụng

TAND 2 cấp đã chuyển giao 8.551 bản án, quyết định cho Viện Kiểm sát nhân dân (tỉnh: 905, huyện 7.646), 6.386 bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án (tỉnh: 133, huyện: 6.253).

7.2. Công tác phối hợp với Sở Tư pháp trong công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp và rà soát thông tin lý lịch tư pháp

TAND 2 cấp đã cung cấp 4.483 thông tin lý lịch tư pháp (tỉnh: 341, huyện: 4.142) cho Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương. Hàng quý, TAND 2 cấp và Sở Tư pháp đều tiến hành rà soát, đối chiếu số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp theo đúng quy định của Luật Lý lịch tư pháp, Nghị định số 111 và Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp và rà soát thông tin lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

7.3. Công tác phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong thực hiện TTLT số 06/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/5/2016

Công tác phối hợp giữa TAND 2 cấp và Cơ quan Thi hành án dân sự trong việc thực hiện Thông tư liên tịch số 06 theo đúng chỉ đạo của TAND tối cao. Hàng quý, TAND 2 cấp phối hợp với Cơ quan Thi hành án, Viện kiểm sát

¹⁶ Dư 01 thư ký.

nhân dân 2 cấp rà soát các bản án có hiệu lực pháp luật để xác định tính khả thi hoặc không thi hành được, thống kê liên ngành báo cáo tình hình cho ngành cấp trên. Khi phát sinh khó khăn, vướng mắc trong công tác thi hành các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, TAND 2 cấp phối hợp với Cơ quan thi hành án dân sự và Viện Kiểm sát nhân dân báo cáo kịp thời cho Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh tổ chức họp liên ngành để giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

7.4. Công tác phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường.

TAND 2 cấp phối hợp tốt với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác lập mảnh trích lục địa chính, đo đạc, định giá, cung cấp thông tin phục vụ giải quyết các tranh chấp liên quan đến đất đai.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI THẨM NHÂN DÂN

- TAND 2 cấp có 273 vị HTND (tỉnh: 31, huyện: 242). Trong năm HTND đã tham gia xét xử 12.017 vụ án sơ thẩm các loại. Hội thẩm tham gia xét xử nhiều nhất là 173 vụ, ít nhất là 01 vụ án¹⁷.

Quá trình tham gia xét xử, HTND 2 cấp luôn đề cao tinh thần, trách nhiệm, nghiên cứu hồ sơ trước khi xét xử, thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc xét xử do pháp luật quy định, làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho bị cáo, các đương sự trong vụ án cũng như những người tham dự phiên tòa, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân. Chế độ, chính sách của HTND được thực hiện kịp thời, đúng quy định pháp luật.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Trong năm qua, CBCC TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương đã cố gắng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tích cực giải quyết các loại vụ án đúng pháp luật, không kết án oan người không có tội, không bỏ lọt tội phạm, không để xảy ra án quá hạn luật định do nguyên nhân chủ quan, giải quyết tốt các khiếu nại của công dân, không gây bức xúc, phiền hà cho nhân dân. Tỷ lệ hòa giải thành đảm bảo chỉ tiêu do TAND tối cao đề ra (trên 60%).

- TAND 2 cấp đạt được những kết quả như trên là nhờ luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của lãnh đạo TAND tối cao, Tỉnh ủy và địa phương, sự phối hợp của các cơ quan, ban, ngành cùng sự nỗ lực công tác của toàn thể CBCC, người lao động TAND 2 cấp;

- Lãnh đạo TAND tỉnh và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc luôn xác định cải cách tư pháp, cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với công tác chuyên môn, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng quản lý, giải quyết án;

- Thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, tổ chức các cuộc họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm về mọi mặt nhằm khắc phục

¹⁷ Nguyên nhân do Hội thẩm nhân dân bận công tác chuyên môn

những thiếu sót, hạn chế trong công tác giải quyết án, hạn chế đến mức thấp nhất án bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan, án tuyên không rõ ràng gây khó khăn cho công tác thi hành án; không có án quá hạn luật định.

- Công tác HTND luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, ban, ngành chủ quản tạo điều kiện tốt nhất cho Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ xét xử theo sự phân công của Tòa án. Hội thẩm TAND 2 cấp đề cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, khi có quyết định phân công xét xử đều thực hiện nghiêm túc, phối hợp tốt với Thẩm phán trong thực hiện lịch xét xử, sắp xếp thời gian nghiên cứu hồ sơ và tham gia xét xử theo đúng quy định, trường hợp không tham gia được đều có lý do chính đáng và thông báo trước cho Tòa án để phân công HTND khác thay thế.

2. Khó khăn

2.1. Công tác chuyên môn:

- Án dân sự phát sinh ngày càng nhiều tranh chấp đất đai phức tạp. Các loại án tranh chấp ranh đất, tách thửa, mở lối đi, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng đặt cọc, tranh chấp hợp đồng vay dưới hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tính chất tranh chấp gay gắt nên việc giải quyết các loại án dân sự nói chung gặp nhiều khó khăn, thời gian giải quyết kéo dài do hầu hết các vụ án có tính chất phức tạp, việc thu thập chứng cứ khó khăn, nhiều vụ án phải xét xử vắng mặt do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan né tránh, chống đối, không hợp tác... Ngoài ra, nhận thức và áp dụng pháp luật giữa các Thẩm phán không thống nhất trong cùng đơn vị hoặc với Tòa án cấp trên nên khó khăn trong quá trình vận dụng pháp luật để giải quyết, một số Thẩm phán có tâm lý sợ án bị hủy, sửa nên tiến độ giải quyết án còn chậm.

- Việc ủy thác cho Tòa án khác trong nước thu thập tài liệu, chứng cứ nhất là các Tòa án nhân dân các quận, huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các huyện, thành phố, thị xã thuộc các tỉnh xa như Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bình Thuận, Khánh Hòa hầu như không thực hiện được do các Tòa án được ủy thác không phối hợp dù đã được nhắc bằng văn bản nhiều lần. Tòa án phải tạm đình chỉ để chờ kết quả ủy thác làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Trong năm, TAND 2 cấp phải giải quyết 24 đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Đây là một loại việc phức tạp, liên quan đến nhiều đơn vị, tổ chức, cá nhân. Luật Phá sản còn những quy định cần được hướng dẫn nhưng đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn. Tòa Kinh tế TAND tỉnh đã có những vướng mắc trong quá trình giải quyết phá sản, đã nhiều lần có văn bản yêu cầu TAND tối cao hướng dẫn nhưng vẫn chưa nhận được phản hồi.

- Việc thu thập tài liệu, chứng cứ về thông tin hoạt động của doanh nghiệp, địa chỉ pháp nhân, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong trường hợp đã ngừng hoạt động, chuyển trụ sở nhưng không lập thủ tục giải thể hoặc không thông báo cho chính quyền địa phương biết.

- Đối với các vụ án hình sự: Tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng cao về số lượng và tính chất, mức độ hành vi phạm tội ngày càng tinh vi, nguy hiểm gây khó khăn cho công tác xét xử nói riêng và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung. Một số vụ án còn có sự khác nhau về quan điểm định tội danh, quan điểm giải quyết vụ án giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nên các vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung còn chiếm tỷ lệ cao dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết các vụ án. Một số quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nên gây khó khăn, lúng túng trong việc áp dụng.

2.2. Biên chế:

Do số lượng án thụ lý hàng năm đều tăng, Thẩm phán hết nhiệm kỳ chậm được tái bổ nhiệm, chủ yếu là ở TAND cấp huyện nên TAND cấp huyện vẫn luôn trong tình trạng việc nhiều người ít tạo áp lực cho Thẩm phán, Thư ký. Bên cạnh đó TAND cấp huyện chưa có biên chế Văn phòng nên Thẩm phán, Thư ký phải kiêm nhiệm công tác này hoặc thuê hợp đồng lao động thực hiện.

2.3. Cơ sở vật chất:

Hiện nay, định mức chi thường xuyên đối với CBCC TAND 2 cấp còn thấp, kinh phí đào tạo, cơ sở vật chất (như trụ sở, phòng làm việc...), trang thiết bị còn thiếu làm ảnh hưởng đến công tác giải quyết án.

3. Giải pháp khắc phục:

3.1. Về chuyên môn:

- Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao sớm có văn bản hướng dẫn giải đáp các vướng mắc liên quan đến giải quyết phá sản và lĩnh vực hình sự.

- Tiếp tục phối hợp tốt với các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan chuyên môn trong và ngoài tỉnh để giải quyết xét xử các loại vụ án đảm bảo tiến độ, chất lượng.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Thẩm phán, HTND, Thẩm tra viên, Thư ký TAND 2 cấp; từng Thẩm phán tăng cường trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, không ngại khó.

- Các Trung tâm Hòa giải, đối thoại ở các đơn vị được lựa chọn thí điểm tích cực hoạt động để góp phần giảm số lượng án thụ lý đầu vào.

3.2. Về biên chế:

- Kiến nghị TAND tối cao cho tuyển dụng số biên chế đang còn thiếu, sớm bổ nhiệm Thẩm phán hết nhiệm kỳ để giảm áp lực cho CBCC TAND 2 cấp.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp huyện tiếp tục quan tâm, hỗ trợ kinh phí cho TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương trong việc xem xét áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án; quan tâm hỗ trợ kinh phí cho TAND 2 cấp sửa chữa trụ sở, hội trường xét xử (theo Thông tư 01/2017/TT-

TANDTC ngày 28/7/2017 của TAND tối cao quy định về phòng xử án), xây dựng thêm phòng làm việc, hòa giải, phòng tiếp công dân, kho lưu trữ...

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019

Trên cơ sở kết quả hoạt động năm 2018, TAND tỉnh Bình Dương xác định các nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 như sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và địa phương, trong đó đặc biệt chú trọng việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Trung ương 6 khóa XII; các văn bản chỉ đạo của Đảng về công tác tư pháp và cải cách tư pháp, như: Kết luận số 92-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW; Chương trình số 03-CTr/BCĐCCTPTW ngày 06/10/2016 của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương về trọng tâm công tác cải cách tư pháp nhiệm kỳ 2016-2021; cũng như các Nghị quyết của Quốc hội về công tác tư pháp, nhất là Nghị quyết số 111/2015/QH13 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân, công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo; Nghị quyết số 96/2015/QH13 về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự;

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả 15 nhiệm vụ và 14 giải pháp theo chỉ đạo của Chánh án TAND tối cao để nâng cao chất lượng hoạt động, đặc biệt là công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án, thi hành án hình sự, giải quyết khiếu nại, tố cáo... Phấn đấu đạt chỉ tiêu, tỷ lệ giải quyết theo đúng quy định của TAND tối cao, trong đó chú trọng đến giải pháp đột phá nâng cao hiệu quả công tác hòa giải trong giải quyết các vụ án dân sự, đối thoại trong các vụ án hành chính tại Tòa án và nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán, Thẩm tra viên và Thư ký TAND 2 cấp;

3. Tiếp tục phối hợp tốt với các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan, ban, ngành có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng, hiệu quả;

4. Tiếp tục thực hiện kế hoạch cải cách tư pháp, cải cách hành chính, công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng theo chỉ đạo của ngành và địa phương; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác; tiếp tục triển khai thực hiện mô hình “chính quyền thân thiện của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân” và “công sở thân thiện vì nhân dân phục vụ”, “thực hiện 5 biết, 3 thể hiện” trong TAND 2 cấp; công khai, minh bạch các hoạt động của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật;

5. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan tham mưu của UBND tỉnh để thực hiện lắp đặt đường truyền trực tuyến 04 phòng xử án của TAND tỉnh; hoàn thiện việc xây dựng đưa vào sử dụng trụ sở mới của TAND huyện Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên.

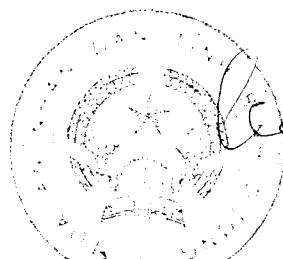
6. Triển khai có hiệu quả việc thí điểm Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại TAND tỉnh và 06 TAND cấp huyện theo đúng chỉ đạo của lãnh đạo TAND tối cao và Tỉnh ủy Bình Dương.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 của TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- TT HĐND;
- BPC HĐND;
- ĐB HĐND;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- CA, PCA;
- Tòa, Phòng TAND tỉnh;
- TAND cấp huyện;
- Lưu: VT, HCTH.

CHÁNH ÁN



Trần Thanh Hoàng



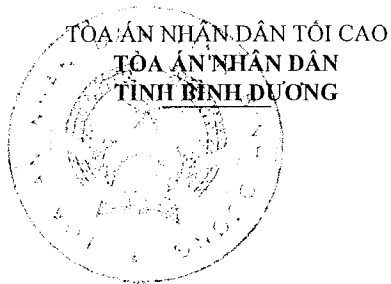
(Kèm theo Báo cáo số 165/BC-TA ngày 07/11/2018 của TAND tỉnh Bình Dương)

Biểu 1

Ghi chú:

* Trong số không phân chia gồm có 22 Thành phần hết nhiệm kỳ chưa được tái bổ nhiệm trong đó: Tỉnh: 02 (Tòa Hành sự: 01, Tòa Lao động: 01); Huyện: 20 (Thị trấn Một: 03, Thuận An: 03, Dĩ An: 04, Bến Cát: 01, Tân Uyên: 05, Dã Tượng: 02, Phú Giáo: 01, Bàu Bàng: 01).

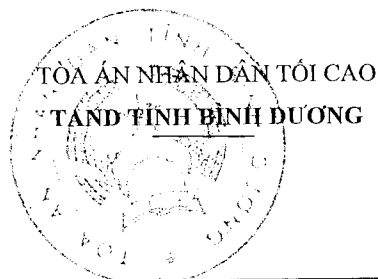
(*) Trong số Thẩm phán của đơn vị có 22 Thẩm phán hết nhiệm kỳ chưa được tái bổ nhiệm trong đó: Tỉnh: 02 (Tòa Hình sự: 01, Tòa Lao động: 01); Huyện: 20 (Thủ Dầu Một: 03, Thuận An: 03, Dĩ An: 04, Bến Cát: 01, Tân Uyên: 05, Dĩ An: 02, Phú Giáo: 01, Bàu Bàng: 01).



**THỐNG KÊ THỰC LÝ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP
XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN**
(Từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 31/10/2018)
(Kèm theo Báo cáo số 131/BC-TA ngày 14/11/2018 của TAND tỉnh Bình Dương)

Biểu 2

BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH	Số hồ sơ phải giải quyết			Số hồ sơ đã giải quyết					Số hồ sơ còn lại				Thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính			Đặc điểm người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính						
	Cũ còn lại	Mới thụ lý	Tổng số	Chuyển hồ sơ	Đình chỉ	Không áp dụng biện pháp xử lý hành chính	Áp dụng biện pháp xử lý hành chính	Tổng số	Tổng số	Quá hạn luật định	Tạm đình chỉ	Đang yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ	Từ 6 tháng đến 12 tháng	Từ 12 tháng đến 24 tháng	Từ 24 tháng đến 36 tháng	Độ tuổi				Nghỉ ma túy	Dân tộc thiểu số	Nữ
																Từ đủ 12 đến dưới 14 tuổi	Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi	Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi	Từ 18 tuổi trở lên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Tỉnh		6	6				6	6						6					6	6		
Thủ Dầu Một	18	33	51		0		49	49	2					49					49	49		
Thuận An		130	130		4		123	127	3				44	79					123	123		4
Dĩ An		105	105		1	6	96	103	2	0	0	0	24	72		0	0	0	96	96	0	0
Bến Cát	8	27	35	0	1	2	31	34	1					31					31	31		
Tân Uyên	1	52	53		1	1	44	46	7				1	43					44	44		
Bàu Bàng	0	21	21	0	2	0	19	21	0	0	0	0	0	19		0	0		19	19	1	2
Bắc Tân Uyên	0	10	10				10	10	0				0	10				0	10	10		0
Phù Giã	1	31	32		1	2	29	32	0				8	21					29	29		1
Dầu Tiếng	2	36	38	0	2	0	34	36	2	0	0	0	0	34		0	0	0	34	34	0	1
Tổng huyện	30	445	475	0	12	11	435	458	17	0	0	0	77	358		0	0	0	435	435	1	8
Tổng ngành	30	451	481		12	11	441	464	17				77	364				0	441	441	1	8



THỐNG KÊ SỐ LIỆU ÁN BỊ HỦY

TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương

(Từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 31/10/2018)

(Kèm theo Báo cáo số 131/BC-TA ngày 08/11/2018 của TAND tỉnh Bình Dương)

Biểu 3

ĐƠN VỊ		SỐ LƯỢNG ÁN BỊ HỦY (VỤ)								SỐ LƯỢNG ÁN BỊ HỦY CHỦ QUAN (VỤ)									GHI CHÚ	
		HS	DS	HNGĐ	KDTM	LD	HC	TỔNG	TỔNG GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ	HS	DS	HNGĐ	KDTM	LD	HC	TỔNG	TỔNG GIẢI QUYẾT		TỶ LỆ
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
Tỉnh	PT		2,0					2,0	836	0,24%							0	836	0,00%	
	GĐT		8,0		1,0	1,0		10,0		3,30%		4,0			1,0		5		0,60%	
Tổng tỉnh			10,0		1,0	1,0		12,0	836	1,44%		4,0			1,0		5	836	0,60%	
TDM	PT	0,0	15,0	0,0	5,0	0,0	0,0	20,0	1.912	1,05%	0,0	9,0	0,0	4,0	0,0	0,0	13	1.912	0,68%	
	GĐT		1	0				1		0,05%		1	0				1		0,05%	
	Tổng	0,0	16,0	0,0	5,0				21,0	1.912	1,10%		10,0	0,0	4,0		14		0,73%	
TA	PT		2,0					2,0	1.972	0,10%		2,0					2	1.972	0,10%	
	GĐT	0,5	2,0					2,5		0,13%	0,5						0,5		0,03%	
	Tổng	0,5	4,0						4,5	1.972	0,23%	0,5	2,0				2,5		0,13%	
DA	PT		18,0	1,0	2,0	2,0		23,0	2.174	1,06%		16,0		2,0	1,0		19	2.174	0,87%	
BC	PT		8,0		1,0	1,0		10,0	1.399	0,71%		6,0		1,0			7	1.399	0,50%	
TU	PT		5,0				1,0	6,0	1.232	0,49%		3,0				1,0	4,0	1.232	0,32%	
BB	PT	1,5	4,0	1,0				6,5	516	1,26%	1,0	1,0	1,0				3,0	516	0,58%	
BTU	PT	0,0	6,0	1,0	0,0	0,0	0,0	7,0	367	1,91%	0,0	5,0	1,0	0,0	0,0	0,0	6,0	367	1,63%	
PG	PT	2,0	4,0					6,0	844	0,71%	2,0	4,0					6	844	0,71%	
DT	PT		10,0					10,0	1.356	0,74%		7,0					7	1.356	0,52%	
Tổng huyện		4,0	75,0	3,0	8,0	3,0	1,0	94,0	11.772	0,80%	2,5	54,0	2,0	7,0	1,0	1,0	68,5	11.772	0,58%	
Tổng ngành		4,0	85,0	3,0	9,0	4,0	1,0	106,0	12.608	0,84%	2,5	58,0	2,0	7,0	2,0	1,0	73,5	12.608	0,58%	



**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TAND TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU ÁN BỊ SỬA
TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương**

Từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 31/10/2018

(Kèm theo Báo cáo số 1031/BC-TA ngày 27/11/2018 của TAND tỉnh Bình Dương)

Biểu 4

ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG ÁN BỊ SỬA (VỤ)									SỐ LƯỢNG ÁN BỊ SỬA CHỦ QUAN (VỤ)									GHI CHÚ
	HIS	DS	HNGD	KDTM	LD	HC	TỔNG	TỔNG GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ	HIS	DS	HNGD	KDTM	LD	HC	TỔNG	TỔNG GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
Tỉnh	3,5	1,0		1,0		6,0	6,0	836	0,72%	2,0			0,5		6,0	8,5	836	1,02%	
Huyện	TDM	12,5	21,0	4,0	3,0	0,5		41,0	1.912	2,14%	4,5	6,0	1,0			11,5	1.912	0,60%	
	TA		2,0					2,0	1.972	0,10%		2,0				2,0	1.972	0,10%	
	DA	5,0	10,0	4,0	2,5			21,5	2.174	0,99%	1,5	8,5	2,0	2,0		14,0	2.174	0,64%	
	BC	4,0	5,0					9,0	1.399	0,64%	2,0	5,0				7,0	1.399	0,50%	
	TU	12,0	12,0		1,0	1,0		26,0	1.232	2,11%		5,0				5,0	1.232	0,41%	
	DT	6,0	6,0	1,0	1,0			14,0	1.356	1,03%	3,0	4,0		1,0		8,0	1.356	0,59%	
	PG	0,0	3,0	1,0				4,0	844	0,47%		3,0	1,0			4,0	844	0,47%	
	BTU	5,0	5,0	1,0				11,0	367	3,00%	1,0					1,0	367	0,27%	
	BB	2,0	2,0		0,5			4,5	516	0,87%		0,5		0,5		1,0	516	0,19%	
Tổng huyện	46,5	66,0	11,0	8,0	1,5		133,0	11.772	1,13%	12,0	34,0	4,0	3,5			53,5	11.772	0,45%	
Tổng ngành	50,0	67,0	11,0	9,0	1,5	6,0	139,0	12.608	1,10%	14,0	34,0	4,0	4,0		6,0	62,0	12.608	0,49%	